**TÀI LIỆU HD MÔN NGỮ VĂN**

**(thời gian nghỉ dịch)**

**TUẦN: 26: LỚP: 11**

**NGƯỜI CẦM QUYỀN KHÔI PHỤC UY QUYỀN**

 (Trích “Những người khốn khổ) V.Huy-gô

**I. Tìm hiểu chung:**

 **1. Tác giả:**

- Victo Huy-gô (1802-1885) nhà văn thiên tài của nước Pháp, danh nhân văn hóa nhân loại, người bạn lớn của những người khốn khổ luôn hoạt động động vì sự tiến bộ của con người.

 **2. Sự nghiệp:**

 - Nhà thơ, nhà tiểu thuyết, nhà soạn kịch lãng mạn nổi tiếng của nước Pháp của thế kỷ XIX

 - Những tác phẩm tiểu biểu: Nhà thờ đức bà Pari, Những người khốn khổ, Tia sáng và bống tối…

 **3. Tác phẩm:**

 a. Tóm tắt: (SGK)

 b. Đoạn trích:

 - Vị trí đoạn trích nằm ở cuối phần thứ nhất: Phăng-ti, thị trưởng Ma-đơ-len(Giăng Van-giăng) rơi vào tay Gia-ve. Phăng-tin tắt thở trước khi biết sự thật về ông thị trưởng và con gái mình

**II/ Đọc hiểu:**

 **A. Nội dung:**

 ***1. Những người khốn khổ:***

- Họ là nạn nhân của cường quyền và áp bức (một người đang bị bắt, một người bị ốm sắp chết mong được gặp con)

- Họ là những người khốn khổ, cùng cưu mang giúp đỡ nhau trong tình thương yêu đồng loại.

**2. Nhân vật Giăng Van Giăng:**

 a. Hoàn cảnh - số phận:

- Vì nghèo đối nên lấy cắp bánh mì nuôi cháu, bị phạt tù khổ sai 19 năm.

- Ra tù trở thành người tốt, được làm thị trưởng luôn giúp đỡ mọi người.

- Gia-Ve ganh ghét tố giác bị vào tù .

- Ra tù tiếp tục giúp` đỡ mọi người, cuối cùng chết trong cảnh cô đơn.

=> Giăng-Van-Giăng là con người của tình thương, của sự nghèo khổ và kém may mắn.

b. Tính cách - phẩm chất:

 \**Con người của tình thương:*

- Quyết định ra đầu thú để cứu nạn nhân bị Gia-Ve bắt oan.

- Đối với Phăng-Tin:

 + Đều quan tâm nhất lúc này là bệnh tình và tìm được đứa con gái cho Phăng-Tin

 + Nói với Gia-Ve giọng nhún nhường nnhẹ nhàng xin hoản lai 3 ngày để tìm con cho Phăng Tin.

 🡪 Con người đầy tình thương và trách nhiệm.

 + Khi Phăng-tin chết 🡪 Giăng-Van-Giang như chết lặng đi, một nỗi đau xót khôn tả, sửa sang lại tóc, vuốt mắt cho chị, đặt lên tay chị một nụ hôn, thì thằm với chị những lời cứu cánh.

=> Những hành động và việc làm cao cả đầy tình nghĩa lòng nhân ái sống hết mình cho tình thương đồng thời thể hiện giá trị thẩm mỹ giàu chất nhân văn trong một con người nghèo khổ.

 \*Con người kiên cường dũng cảm chống lại cường quyền áp bức:

- Lúc đầu: điềm tĩnh đoán nhận sự thật, từ tốn, nhún nhường, nhỏ nhẹ, cầu xin Gia-Ve hoãn lại 3 ngày.

- Về sau: Người cầm quyền khôi phục uy quyền.

 + Giọng điệu: lạnh lùng đầy thách thức.

 + Hành động: Cầm thanh sắt như bất chấp, căm thù, dũng cảm.

**3. Nhân vật Gia-ve:**

- Là một thanh tra, cảnh sát

***-*** *Diện mạo:*

 + Cập mắt như cái móc sắt

 + Bộ mặt góm giếc

 + Cái cười ghê tỏm nhe tất cả hai hàm răng

=> Hiện lên một con người ác thú.

***-*** *Ngôn ngữ:* Thô lỗ tục tằn, vô văn hoá.

*- Hành động:*

 + Đối với Giăng-Van-Giăng: giậm chân phát khùng và hét lớn.

 + Đối với P.Tin: độc ác vô cảm trước nỗi đau của đồng loại.

**4**.**Yếu tố nghệ thuật lãng mạn:**

- Cái chết bi thảm đầy thương tâm nhưng không gợi sự bi luỵ.

- Gương mặt sáng rỡ, nụ cười trên môi 🡪 Khẳng định sức mạnh của tình thương yêu con người có thể đẩy lùi cường quyền và áp bức, nhen nhóm niềm tin ở tương lai.

- Cái chết thật bi thảm nhưng chị đi vào cõi chết thật đẹp đẽ.

**B. Nghệ thuật**

- Khắc họa tính cách nhân vật và đối lập nhân vật(Gia-ve >< Giăng Van-giăng).

- Xung đột giàu kịch tính.

**C. Ý nghĩa văn bản:**

Uy quyền mà người cầm quyền khôi phục chỉ là cái tạm thời, “trên đời chỉ có một điều ấy thôi, đó là thương yêu nhau” mới là vĩnh viễn.

**III. Tổng kết:**

Ghi nhớ (sgk)

**MỘT THỜI ĐẠI TRONG THI CA**

 **-HOÀI THANH-**

**I. TÌM HIỂU TIỂU DẪN:**

**1.Tác giả:**

- Tác phẩm nổi tiếng nhất là “Thi nhân Việt Nam”. Ông được tặng giải thưởng HCM.

**II. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**:

**1. Cách nhận diện “tinh thần thơ mới” của tác giả:**

- Cái khó trong việc tìm ra tinh thần thơ mới là ranh giới giữa thơ cũ và thơ mới không phải rạch ròi dễ nhận ra.

- Các nhận diện:

+ Không thể căn cứ vào những bài thơ dở, thời nào chả có mà phải so sánh bài hay với bài hay.

+ Vả chăng cái mới và cái cũ vẫn tiếp nối qua lại cho nên phải so sánh trên đại thể.

**2. Điều cối lõi mà thơ mới đưa đến cho thi đàn VN lúc bấy giờ**.

- Tinh thần thơ mới là chữ “Tôi”.

+ Cái khác ở chữ “Tôi” và chữ “Ta” . Ngày trước là thời chữ “Ta”, bây giờ là thời chữ “Tôi”.

+ Chữ “Tôi” trước đây nếu có thì cũng phải ẩn mình sau chữ “Ta”. Chữ “Tôi” bây giờ là chữ “tôi” theo ý nghĩa tuyệt đối của nó.

**3. Bi kịch của “cái tôi” trong thơ mới và hướng giải toả bi kịch.**

 - “Cái tôi” bây giờ đáng thương và tội nghiệp ở chỗ nó không còn cái cốt cách hiện ngang ngày trước: đ/c. Thơ mới đang diễn ngấm ngầm dưới những phù hiệu dễ dãi trong hồn người thanh niên.

 - Họ giải quyết bi kịch bằng cách giữ cả vào Tiếng Việt là vong hồn các thế hệ đã qua. d/c trang. 103.

 **4. Nghệ thuật nghị luận**:

 - Đặt vấn đề rõ, gọn (1câu) d/c.

 - Dẫn dắt vấn đề khoa học, khéo léo và dễ hiểu, đảm bảo sự liền mạch trong hệ thống luận điểm, luận cứ, sự liên kết, chuyển tiếp giữa các ý, các đoạn trong bài 1 cách thống nhất.

 - Câu văn nghị luận giàu chất thơ có sức gợi cảm xúc và gây hứng thú cho người đọc.

 + Giọng văn: Đồng cảm chia sẻ🡪 tấm lòng người viết thiết tha, thông cảm thấu hiểu. d/c. tr. 103.

 - Nghệ thuật lí luận chặt chẽ, thấu đáo, khoa học.

 - Khi phân tích đặc điểm thơ mới, tác giả luôn phân tích “cái tôi” trong nhiều quan hệ với ta “cái ta” để tìm chỗ giống nhau và khác nhau.

 + Khi tìm cái mới của thơ mới và các nhà thơ mới tác giả nhìn vấn đề trong mối quan hệ với thời đại với tâm lí người TN đương thời🡪 thấu đáo, sâu sắc.

**III. TỔNG KẾT**:

 Ghi nhớ SGK.

**TUẦN 28**

**PHONG CÁCH NGÔN NGỮ CHÍNH LUẬN(2 tiết)**

**I.VĂN BẢN CHÍNH LUẬN VÀ NGÔN NGỮ CHÍNH LUẬN:**

**1/ Tìm hiểu văn bản chính luận:**

**a.Văn bản chính luận:**

 *-Thời xưa:*Hịch, cáo, , chiếu, biểu...

*- Hiện đại:* Cương lĩnh, tuyên bố, tuyên ngôn, báo cáo, tham luận...

**b. Tìm hiểu ngữ liệu (SGK)**

 ***\* Đoạn trích:*** *Tuyên ngôn độc lập*

-Tuyên ngôn, tuyên bố … nhằm trình bày quan điểm chính trị của một đảng phái hay quốc gia nhân dịp một sự kiện trọng đại

***\* Đoạn trích:*** Cao trào chống Nhật cứu nước

- Trích đoạn mở đầu trong tác phẩm chính luận CMDTDCND Việt Nam, tập I của đồng chí Trường Chinh Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam.

***\* Đoạn trích:*** Việt Nam đi tới 🡪Xã luận 🡪trên báo

-Phân tích những thành tựu mới về các lĩnh vực của đất nước, vị thế của đất nước trên trường quốc tế. Từ đó nêu những triển vọng tốt đẹp của CM trong thời gian tới

**2/Nhận xét chung về văn bản chính luận và ngôn ngữ chính luận:**

 **a. Văn bản chính luận:**

 - Ngôn ngữ chính luận còn được dùng trong các tài liệu chính trị khác, trong những tác phẩm lí luận có quy mô khá lớn: SGK.

 - Ngôn ngữ chính luận tồn tại ở dạng viết mà cả ở dạng nói.

 - Mục đích: Trình bày ý kiến hoặc bình luận, đánh giá một sự kiện, một vấn đề chính trị, một chính sách, chủ trương về văn hoá xã hội theo một quan điểm chính trị nhất định.

 **b. Phân biệt giữa nghị luận và chính luận:**

 - Nghị luận: Dùng để chỉ một loại thao tác tư duy; Một loại văn bản một kiểu làm văn trong nhà trường.

 **- Chính luận**: Chỉ **một phong cách ngôn ngữ văn bản nhằm trình bày những quan điểm chính trị của quốc gia, đoàn thể, quan điểm chính trị…**

 **c. Ngôn ngữ chính luận:**

-*Ngôn ngữ chính luận là ngôn ngữ được dùng trong các văn bản chính luận hoặc lời nói miệng trong các hội nghị hội thảo…nhằm trình bày bình luận đánh giá những sự kiện, những vấn đề về chính trị, xã* *hội, văn hoá… theo một quan điểm chính trị nhất định.*

**II. CÁC PHƯƠNG TIỆN DIỄN ĐẠT VÀ ĐẶC TRƯNG CỦA PHONG CÁCH NGÔN NGỮ CHÍNH LUẬN:**

 **1. Các phương tiện diễn đạt:**

 **a. Về từ ngữ:**

 - Văn bản chính luận sử dụng ngôn ngữ thông thường nhưng có khá nhiều từ ngữ chính trị: độc lập, đồng bào, dân chủ…

 **b. Về ngữ pháp:**

 - Câu văn trong văn bản chính luận có kết cấu chuẩn mực gần với những phán đoán logic trong một hệ thống lí luận chặt chẽ.

**2. Đặc trưng của ngôn ngữ chính luận:**

 **a. Tính công khai về quan điểm**

 - Ngôn ngữ chính luận không chỉ thông tin một cách khách quan mà phải thể hiện đường lối, quan điểm, thái độ chính trị của người viết (người nói) một cách công khai dứt khoát, không che dấu, úp mở.

 - Từ ngữ phải được cân nhắc kỉ càng, đặt biệt những từ thể hiện lập trường, quan điểm chính trị.

 **b. Tính chặt chẽ trong diễn đạt và suy luận:**

 Hệ thống luận điểm chặt chẽ, từng ý, từng câu, từng đoạn được phối hợp với nhau một cách hài hoà, mạch lạc.

 **c. Tính truyền cảm, thuyết phục:**

 - Giọng văn hùng hồn tha thiết, bộc lộ nhiệt tình của người viết.

 - Đối với ngưới nói (diễn thuyết, tranh luận) thì nghệ thuật hùng biện là điều quan trọng để truyền cảm, thuyết phục trong đó ngữ điệu, giọng nói được coi là phương tiện cần thiết để hổ trợ cho lí lẽ, ngôn từ.